TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

Bản án: 71/2017/HN-ST
Ngày: 29/8/2017
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Lê Thị Thanh Vân.

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ Chí

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: **161**/2017/TLST–DS ngày 17/4/2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1980. (có mặt)

Địa chỉ: khóm 6, phường B, Tp. H, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Lâm Ngọc T, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm 6, phường B, Tp. H, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2017, có bổ sung ngày 12/4/2017, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lâm Ngọc T do quen biết, tìm hiểu sau đó tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2000 và đăng ký kết hôn ngày 07/9/2006 tại UBND phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường xuyên bỏ nhà đi và không lo cho gia đình, không làm tròn trách nhiệm của một người chồng, chị đã khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không sửa đổi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2016. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có 02 (hai) con chung tên Lâm Tiểu C, sinh ngày 06/11/2002 và Lâm Ngọc Mỹ T, sinh ngày 24/5/2012. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi hai con chung 1.000.000đ/tháng/02 con chung (Một triệu đồng/tháng/02 con chung). Tại phiên tòa, chị thay đổi ý kiến yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định pháp luật.

Về quan hệ tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Chị và anh T sẽ tự thỏa thuận về nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lâm Ngọc T không gửi tự khai trình bày ý kiến cho Tòa án và vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết đối với vụ án nên không có ý kiến trình bày.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp.Long Xuyên có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: đúng theo qui định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ: đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

- Về hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Lâm Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ những vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Lâm Ngọc T kết hôn lần thứ nhất trên cơ sở tự nguyện vào năm 2000 và đăng ký kết hôn ngày 07/9/2006 tại UBND phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo qui định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay vợ chồng chị T và anh T phát sinh mâu thuẫn, chị T xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp các qui định của pháp luật tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị T cho rằng sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường xuyên bỏ nhà đi và không lo cho gia đình, không làm tròn trách nhiệm của một người chồng, chị đã khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không sửa đổi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2016. Nay nhận thấy không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Qua trình bày của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh T phát sinh mâu thuẫn năm 2010 và đã ly thân từ cuối năm 2016. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm vợ chồng với anh T; cũng như việc anh T không thăm nom hai con hay liên lạc với chị để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, cho thấy trong suốt thời gian dài qua, chị T và anh T không tạo điều kiện thăm nom, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết vụ án, anh T không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện chưa có sự quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T trình bày, chị và anh T có hai con chung tên Lâm Tiểu C, sinh ngày 06/11/2002 và Lâm Ngọc Mỹ T, sinh ngày 24/5/2012. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, hai con chung hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; chị T có công việc, có thu nhập và sắp xếp được thời gian chăm sóc cháu C và cháu T. Đồng thời, cháu C cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ (Tờ trình bày ý kiến nguyện vọng con chung ngày 14/4/2017), và cháu T còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, xét về quyền lợi mọi mặt của con chung và để ổn định về sinh hoạt, mặt tâm lý cho con chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T: Theo qui định pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên. Do đó, việc chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 1.000.000đ/tháng và nay tại phiên tòa chị thay đổi yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định pháp luật là không vượt phạm vi khởi kiện ban đầu và không trái với qui định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 1.300.000đ/tháng/02 con chung (1/2 tháng lương tối thiểu 1.300.000đ/con chung), kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Mức cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải tạo điều kiện cho anh Lâm Ngọc T thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Theo chị T thì chị và anh T không có tài sản chung; còn nợ chung chị và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này chị T và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý và giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015348 ngày 12/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Long Xuyên.

Anh Lâm Ngọc T phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử vắng mặt anh Lâm Ngọc T.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Lâm Ngọc T.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Lâm Ngọc T có hai con chung tên Lâm Tiểu C, sinh ngày 06/11/2002 và Lâm Ngọc Mỹ T, sinh ngày 24/5/2012

Chị Nguyễn Thị Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Lâm Tiểu C, sinh ngày 06/11/2002 và Lâm Ngọc Mỹ T, sinh ngày 24/5/2012.

Anh Lâm Ngọc T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 1.300.000đ/tháng/02 con chung (1/2 tháng lương tối thiểu 1.300.000đ/con chung), kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Mức cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải tạo điều kiện cho anh Lâm Ngọc T thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm

nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015348 ngày 12/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Long Xuyên.

Anh Lâm Ngọc T phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Chị Nguyễn Thị Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lâm Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND.AG;
- VKSND.TPLX;
- THA TPLX;
- Đương sự "Để thi hành";
- Lưu hồ sơ ./..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Minh Châu

Theo nguyên đơn, vào ngày 30/01/2013 ông bà có nhờ ông Nguyễn Hữu Tâm (Sỹ) giới thiệu cho đến ông Trần Huân Sủng để vay số tiền là 120.000.000đồng, lãi suất 6%/tháng (ông bà đã cho tiền ông Tâm (Sỹ) tiền huê hồng là 2.500.000đồng). Theo yêu cầu của ông Sủng, các bên có đến Văn phòng Công chứng Hoàng Gia để làm hợp đồng vay tiền – không phải là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Thực tế, do cần tiền cộng với thiếu hiểu biết nên ông bà chỉ làm theo yêu cầu của ông Trần Huân Sủng để được nhận tiền vay. Sau khi nhận số tiền 120.000.000đồng, ông bà đóng lãi cho ông Sủng được 02 tháng với tổng số tiền 14.400.000đồng việc đóng lãi cho ông Sủng hai bên không có làm biên nhận. Đến khi ông Sủng đến nhà yêu cầu giao nhà đất thì ông bà mới biết ông Sủng đã làm thủ tục sang tên và được cấp giấy chứng nhận.

Phía ông Trần Huân Sủng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Chúc Anh và bà Xuân, vì ông đã nhận chuyển nhượng nhà đất vào ngày 30/01/2013 theo hợp đồng CNQSDĐ được chứng nhận tại VP Công chứng Hoàng Gia và được Uỷ ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01122 ngày 06/12/2013 mang tên ông. Tuy nhiên, ông thừa nhận khoảng tháng 12/2012, qua giới thiệu của ông Tâm thì ông có cho ông Chúc Anh và bà Xuân vay số tiền 120.00.000đ, lãi suất 6%/tháng – đã cho vay 01 tháng; đến hạn vợ chồng ông Chúc Anh không thực hiện việc trả nợ. Nên vào ngày 30/01/2013, hai bên thoả thuận đến Văn phòng công chứng Hoàng Gia làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất số CH00716 do Uỷ ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp cho ông Chúc Anh và bà Xuân vào ngày 19/06/2012 cho ông Sủng với giá 120.000.000đồng mà ông đã đưa trước đó, có thời hạn chuộc lại trong thời gian 03 tháng, lãi suất theo thỏa thuận 6%/tháng. Nhưng sau 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay tiền mà thực tế là ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông Chúc Anh và bà Xuân vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền và lãi cho ông. Nên ông Sủng đã làm thủ tục sang tên như hợp đồng đã ký.

- NĐ

Vào ngày 30/01/2013 ông bà có nhờ anh Nguyễn Hữu Tâm (Sỹ) sinh năm 1963 giới thiệu cho vay tiền của ông Trần Huân Sủng số tiền là 120.000.000đồng, lãi suất 6%/tháng và ông bà có cho tiền ông Tâm (Sỹ) số tiền là 2.500.000đồng. Khi đó, các bên thỏa thuận đây là hợp đồng vay tiền nhưng phía ông Sủng yêu cầu phải đi đến Văn phòng công chứng ký thế chấp diện tích đất – không bao gồm căn nhà, để bảo đảm cho khoản vay trên. Nên các bên đã đến Văn phòng Công chứng Hoàng Gia để ký hợp đồng làm hợp đồng vay tiền có thế chấp đất – không phải là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Thực tế, do cần tiền cộng với thiếu hiểu biết nên ông bà chỉ làm theo yêu cầu của ông Trần Huân Sủng để được nhận tiền vay do đó không có việc mua bán đất gì cả. Sau khi vay tiền ông bà đã đóng lãi cho ông Sủng được 02 tháng với tổng số tiền là 14.400.000đ thì ông bà không có khả năng đóng tiếp do lãi quá cao (lần đầu là đóng ngay sau khi nhận số tiền vốn vay 120.000.000đ - đóng lại 7.200.000đ; lần sau là đóng 7.200.000đ cho ông Sủng tại nhà ông bà do ông Sủng đến lấy). Việc đóng lãi này giữa ông bà và ông Trần Huân Sủng không có làm biên nhận.

Sau đó, ông Trần Huân Sủng đến yêu cầu ông bà giao trả lại cho ông Sủng phần diện tích đất theo hợp đồng chuyển nhượng đã ký trên với ông Sủng thì lúc này chúng tôi mới biết ông Sủng đã làm thủ tục sang tên đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử đất. Do đó, nay ông bà yêu cầu:

+ Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng Hoàng Gia chứng nhận ngày 30/01/2013 giữa bên chuyển nhượng ông Nguyễn Văn Chúc Anh và bà Trình Ngọc Xuân với bên nhận chuyển nhượng ông Trần Huân Sủng. Vì theo ông bà đây là hợp đồng giả tạo thực chất là hợp đồng vay. Nên nay ông bà đồng ý trả lại cho ông Sủng số tiền vốn vay là 120.000.000đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Do hoàn cảnh đang gặp khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi hết số tiền trên.

- BĐ

.Ông yêu cầu ông Nguyễn Văn Chúc Anh và bà Trình Ngọc Xuân có trách nhiệm giao trả cho ông căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Mỹ Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01022 ngày 06/12/2013.

Nguyên nhân, do trước đây ông quen biết ông Nguyễn Hữu Tâm (Sỹ) qua một người làm việc ở UBND phường Mỹ Xuyên và ông Tâm (Sỹ) có hỏi chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên vào tháng 12/2012 (ông không nhớ rõ ngày) có cho ông Chúc Anh và bà Xuân số tiền vay 120.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 6%/ tháng, thời hạn

01 tháng (một tháng). Ông đã giao tiền đủ cho ông Chúc Anh và bà Xuân tại nhà ông nhưng không có làm biên nhận gì. Hết thời hạn 01 tháng phía ông Chúc Anh và bà Xuân không trả vốn nên 02 bên mới thỏa thuận đến Văn phòng công chứng Hoàng Gia để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 19, quyển số 01.TP/CC – SCC/HĐGD ngày 30/01/2013 tại Văn phòng Công chứng Hoàng Gia với thời hạn trả lại số tiền trên là 03 tháng (ba tháng), lãi suất 6%/ tháng, tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00716 do UBND thành phố Long Xuyên cấp ngày 19/6/2012 mang tên ông Nguyễn Văn Chúc Anh và bà Trình Ngọc Xuân (trên thực tế là thỏa thuận luôn căn nhà trên đất nhưng không có ghi vào hợp đồng). Trong suốt 03 tháng (ba) thì phía ông Chúc Anh và bà Xuân không thực hiện việc trả lãi cũng như thỏa thuận trả lại vốn theo hợp đồng đã ký. Đến hết 06 tháng (sáu) kể từ ngày ký hợp đồng vay tiền mà thực tế là ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như trình bày trên, phía ông Chúc Anh và bà Xuân không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông nên ông có đến nhà gặp ông Chúc Anh và bà Xuân để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả số tiền và lãi cho ông theo hợp đồng đã ký. Tuy nhiên, phía ông Chúc Anh và bà Xuân không thực hiện nên ông đã đi làm thủ tục sang tên theo đúng quy định pháp luật và đã được UBND Tp. Long Xuyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 01022 ngày 06/12/2013.

Đối với việc ông Chúc Anh và bà Xuân đã đóng cho ông số tiền lãi là 14.400.000đ (Mười bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng), thì ông xác định ông không nhận được bất cứ khoản tiền lãi nào của ông Chúc Anh và bà Xuân.

Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Chúc Anh và bà Xuân là hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vì đây là hợp đồng giả tạo đó là hợp đồng vay tiền thì ông không đồng ý. Nên đối với ý kiến của ông Nguyễn Văn Chúc Anh và bà Trình Ngọc Xuân sẽ trả cho ông số tiền 120.000.000đồng với phương thức xin trả dần mỗi tháng là 3.000.000đồng cho đến khi hết số tiền 120.000.000đồng thì ông không đồng ý, do thời gian qua phía ông Chúc Anh và bà Xuân đã gây thiệt hại nhiều cho ông.

Do vào tháng 8/2011 ông có mượn của ông Mước 200 triệu đồng với lãi suất 30%/tháng. Đến tháng 10/2011 ông có gặp ông Mước để thỏa thuận do không có khả năng thanh toán tiếp phần tiền lãi cho ông Mước. Ông Mước có yêu cầu ông lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông hoặc của người quen để đến Văn phòng Công chứng ký thế chấp cho ông Mước để giảm phần lãi suất xuống còn 05% mỗi tháng. Do đó, ông đã mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đoàn Minh Thông đi gặp ông Mước và có nhờ ông Thông ký tên trong hợp đồng.

Do khi đến Văn phòng Công chứng ông không cùng ông Thông vào ký văn bản nên ông không biết đó là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Chỉ biết sau đó ông có nhận một tờ giấy để viết biên nhận với nội dung: ông có nợ ông Lưu Hoàng Nam số tiền 200 triệu đồng và lãi suất 5%/tháng. Sau đó, ông đã đóng lãi cho ông Nam tổng cộng 14 lần với số tiền mỗi tháng là 10.000.000đồng đến tháng 12/2012 thì mất khả năng chi trả. Đến tháng 5/2013 thì UBND phường Bình Đức có mời ông lên để hòa giải thì ông mới biết việc văn bản ông Thông ký là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của ông Nam ông nhận thấy trách nhiệm là do ông không liên quan gì đến ông Thông. Nhưng do hiện nay công việc của ông không ổn định nên xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi hết số nợ 200.000.000đồng. Đồng thời yêu cầu ông Nam hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nam và ông Đoàn Minh Thông.

: Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Hoàng Nam. Do vào tháng 8/2011 ông có mượn của ông Mước 200 triệu đồng với lãi suất 30%/tháng. Đến tháng 10/2011 ông có gặp ông Mước để thỏa thuận do không có khả năng thanh toán tiếp phần tiền lãi cho ông Mước. Ông Mước có yêu cầu ông lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông hoặc của người quen để đến Văn phòng Công chứng ký thế chấp cho ông Mước để giảm phần lãi suất xuống còn 05% mỗi tháng. Vì vậy, ông đã mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đoàn Minh Thông đi gặp ông Mước và có nhờ ông Thông ký tên trong hợp đồng. Do khi ông Thông vào ký hợp đồng ông không có mặt nên ông không biết đó là hợp đồng gì, chỉ biết sau khi ông Thông ký tên xong thì ông có nhận một tờ giấy để viết biên nhận với nội dung: ông có nợ ông Lưu Hoàng Nam số tiền 200 triệu đồng và lãi suất 5%/tháng.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của ông Nam ông nhận thấy trách nhiệm là do ông không liên quan gì đến ông Thông. Nhưng do hiện nay công việc của ông không ổn định nên xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi hết số nợ 200.000.000đồng. Đồng thời yêu cầu ông Nam hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nam và ông Đoàn Minh Thông vì bản thân ông Thông không biết việc ký vay vốn mà thành chuyển nhượng quyền sử dụng đất.